ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 1151 /SNN&PTNT-TL
V/v giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích thủy lợi giai đoạn 2021-2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Công văn số 13751/UBND-KTTC ngày 11/10/2019, số 1236/UBND-KTTC ngày 05/02/2020, số 2769/UBND-KTTC ngày 10/3/2020 về việc xây dựng thẩm định, báo cáo phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thời kỳ ổn định ngân sách mới, 2021-2026.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2021-2026 của Sở Tài chính tại Công văn số 1200/STC-TCDN ngày 23/3/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị UBND tỉnh có văn bản báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp gửi Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2021-2026 (*có dự thảo văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính kèm theo).*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh xem xét và ký văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Lưu VT, TL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Đặng Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /UBND-KTTC V/v giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2021-2026.	*Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 1200/STC-TCDN ngày 23/3/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2026 bằng 1,30 lần mức giá tối đa quy định tại Quyết định số 1050[a]/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa			
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Sông Mã đề nghị
	Tỷ lệ tăng giá so với Quyết định số 1050a/2018/QĐ-BTC		**1,30**	**1,5**	**2,45**	**2,08**
I	**Mức giá tưới, tiêu chủ động đối với diện tích đất trồng lúa**					
1	**Vùng đồng bằng**					
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.000 đồng/ha/vụ	1.863	2.151	3.511	2.981
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.000 đồng/ha/vụ	1.304	1.504	2.457	2.086
-	Tưới tiêu kết hợp	1.000 đồng/ha/vụ	1.583	1.805	2.984	2.533
2	**Vùng miền núi**					
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.000 đồng/ha/vụ	2.354	2.710	4.437	3.767
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.000 đồng/ha/vụ	1.647	1.895	3.104	2.635
-	Tưới tiêu kết hợp	1.000 đồng/ha/vụ	2.001	2.293	3.771	3.201
II	**Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa**					
III	**Mức giá đối với sản xuất muối được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm**					
IV	**Mức giá đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản**	đồng/m^2 mặt thoáng/năm	325	312,5	612,5	520
V	**Mức giá cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu mức giá bằng 80% mức giá đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.**					
VI	**Các trường hợp biện pháp tưới tiêu khác**					
1	Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tưới, tiêu chủ động.					
2	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% trường hợp tưới, tiêu chủ động trọng lực.					
3	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% trường hợp tưới, tiêu chủ động bằng động lực.					

TT	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa			
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Sông Mã đề nghị
4	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ thì mức giá bằng 50% trường hợp tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ.					
5	Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực.					
6	Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá quy định.					
7	Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá.					

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2026 gửi Bộ Tài chính quy định và thông báo bằng văn bản giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định hiện hành của pháp luật về giá./.

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kèm:

- Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tài chính;

- Hồ sơ phương án giá của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã và công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam sông Mã.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH